TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày: 12 – 02 – 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Lê Châu Hùng;

2. Bà Trần Thị Ánh Hằng.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2020, tại Quảng trường phường Châu Phú A, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân thành phố xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Khắc **N**, sinh năm 1992 tại Châu Đốc An Giang; nơi cư trú: tổ 09, khóm T, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Nguyễn Thị T, anh chị em có 05 người, bị cáo là người nhỏ nhất.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 04/04/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích.Đ

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/10/2019 cho đến nay.

Bị hại: Ông Nguyễn Thái **B**, sinh năm 1953, nơi cư trú: khóm 3, phường C, thành phố K, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Võ Thanh A, sinh năm 1995;

Bị cáo, người làm chứng có mặt; bị hại vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 15/8/2019, Trần Khắc **N** đứng lại khu vực quán giải khát "Sơn Hà" (khóm T, phường C, thành phố K) tìm thuê xe Honda đầu chở đi mua ma túy sử dụng; **N** gặp Võ Thanh A (sống như vợ chồng với **N**) đang đi trên xe mô tô do Nguyễn Thái **B** điều khiển, **N** kêu lại, cùng A đến khu dân cư khóm 8, phường Châu Phú A, không gặp được người bán ma túy, **N** kêu **B** quay lại quán "Sơn Hà", để A xuống xe, đi vào nhà trọ. **N** tiếp tục kêu **B** chở vào Núi Sam để mua ma túy. Trên đường đi **N** thấy trong túi sau quần **B** có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng để trong túi nhựa, **N** lén lút lấy trộm 20.000.000 đồng; **N** kêu **B** dừng xe, trả cho **B** 100.000 đồng, thuê xe khác đi đến Núi Sam mua ma túy sử dụng. **B** phát hiện bị mất trộm, trình báo Cơ quan Công an. Ngày 12 tháng 9 năm 2019, **N** ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 22/10/2019, Cơ quan điều tra Công an thành phố Châu Đốc khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Khắc **N** về tội "Trộm cắp tài sản".

Cáo trạng số 02/CT-VKS-CP ngày 06/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo Trần Khắc **N** về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Trần Khắc **N** thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại là 20.000.000 đồng; A không biết việc bị cáo chiếm đoạt tiền của ông **B**, tiền bị cáo chiếm đoạt được, đã tiêu xài cá nhân hết, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông **B** số tiền 20.000.000 đồng; không có ý kiến tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa nên có cơ sở xác định hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, nên Cáo trạng số 02/CT-VKSCĐ ngày 06/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội đúng quy định pháp luật;

Về nhân thân của bị cáo **N**: Ngày 14/10/2008; ngày 29/9/2010 và ngày 26/3/2013 Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc, thời hạn mỗi lần 24 tháng; Ngày 12/10/2015, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở điều trị cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng; các quyết định đã

chấp hành xong. Nhưng, đến ngày 04/4/2018, bị cáo tiếp tục bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, kết án 01 năm tù, về tội "Trộm cắp tài sản", tuy đã chấp hành xong ngày 20/12/2018 chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu áp dụng tình tiết tăng tặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm", quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, 53 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị của tự nguyện ra đầu thú; bị cáo thuộc thành phân nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"Người phạm tội thanh khẩn khai báo", "Đầu thú"* quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong khi lượng hình;

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Thái **B**, yêu cầu bồi thường số tiền bị mất trộm 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo Trần Khắc **N** chỉ thừa nhận lấy trộm 20.000.000 đồng, ngoài lời khai bị hại, không chứng cứ, căn cứ khác để quy kết trách nhiệm đối với **N** về khoản tiền 30.000.000 đồng. Từ đó, đề nghị áp dụng Điều 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo **N** có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bị hại **B** số tiền 20.000.000 đồng;

Về hình phạt : Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng các khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, 53 Bộ luật Hình sự. Đề xuất xử phạt bị cáo Trần Khắc **N** từ 01 (một) đến 02 (hai) tù, về tội *"Trộm cắp tài sản"*

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Nên, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Võ Thanh A do không đủ cơ sở xác định vai trò đồng phạm cùng với bị cáo **N** thực hiện hành vi lấy trộm và tiêu xài số tiền của bị hại Nguyễn Thái **B** nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở

Về xử lý vật chứng: Vật chứng không thu hồi được nên không đề xuất xử lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thành phố Châu Đốc, tội phạm thực hiện thuộc khoản 1 Điều 173cos khung hình phạt đến 03 năm tù, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

[1.2] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an nhân dân thành phố Châu Đốc; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Châu Đốc; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[1.3] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên Quá, bị cáo, bị hại và người làm chứng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[1.4] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, một lần nữa, bị cáo thú nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố. Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai bị hại, người làm chứng, các nguồn chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, đã được thẩm tra lại phiên tòa có căn cứ xác định bị cáo đã là lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại lén lút lấy trộm số tiền 20.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã thỏa mãn mặt khách quan của tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động chân chỉnh để tạo thu nhập chính đáng cho bản thân nhưng vì hám lợi, bị cáo đã lợi dụng sự không cảnh giác của người bị hại đã lén lút chiếm đoạt tài sản của họ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương

Tài sản là kết tinh của quá trình lao động gian khó của con người mà có. Vì lẽ đó, quyền sở hữu tài sản được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Đồng thời, sẽ áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt đối với những ai có hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của họ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2011. Xét, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có cơ sở.

[2.2] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Ngày 04/4/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xử phạt 01 năm tù về tội "trộm cắp tài sản", tuy đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/12/2018, nhưng chưa chấp hành xong án phí, chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội là trường hợp tái phạm. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; sau khi thực hiện tội phạm, bị cáo tự nguyện ra đầu thú; bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế, chấp nhận bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại **B**. Xét, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên có xem xét áp dụng, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong khi lượng hình.

[2.3] Về hình phạt bổ sung, bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động; xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại cho rằng số tiền bị mất trộm là 50.000.000 đồng, nên yêu cầu bị cáo bồi thường. Xét yêu cầu của người bị hại thấy rằng: Trong quá trình điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ, bị cáo **N** chỉ thừa nhận lấy trộm 20.000.000 đồng. Ngoài lời nhận tội của bị cáo, thì bị hại chỉ có lời khai, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng, cũng như quá trình điều tra không chứng cứ, căn cứ khác để quy kết trách nhiệm đối với **N** về khoản tiền chiếm đoạt chênh lệch 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm đề nghị của kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[2.5] Vấn đề khác:

Đối với Võ Thanh A do không đủ cơ sở xác định vai trò đồng phạm cùng với Trần Khắc **N** thực hiện hành vi lấy trộm và cùng tiêu xài số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Nguyễn Thái **B** nên Cơ quan cảnh sát điều tra không dề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

[2.6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 và khoản 2 Điều 52; điều 53 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Khắc **N** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáoTrần Khắc **N 02 (hai) năm tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam ngày 30/10/2019 *(ngày ba mươi, tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười chín).*

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 585, Điều 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Khắc **N** có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Thái **B** số tiền *20.000.000* (*hai mươi triệu) đồng* mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Khắc **N** phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Trần Văn Đức